TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **118**/2021/DS-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hứa Văn Khương
- Bà Lê Thị Diễm Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" thụ lý số 85/2021/TLST-DS, ngày 25 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2021/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2021/QĐST-DS, ngày 13 tháng 7 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 603/TB-TA, ngày 19 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thạch Thị Q, sinh năm 1958; địa chỉ: ấp C, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

Bị đơn:

- Ông Kiêm S, sinh năm 1968
- Bà Thạch Thị Sa R, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 24/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Thạch Thị Q trình bày:

Vợ chồng ông Kiêm S, bà Thạch Thị Sa R là chủ hụi, bà Q là hụi viên tham gia các dây hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi mùa 5.000.000 đồng 04 tháng khui một lần, mở ngày 30/11/2014 âm lịch, có 14 phần, bà Q tham gia 02 phần, đóng hụi sống được 11 lần, đến ngày 15/4/2018 chủ hụi thông báo bể hụi không tiếp tục khui hụi nữa và hứa trả cho bà Q số tiền 110.000.000 đồng, nhưng đến nay chưa trả.

- Dây hụi mùa 5.000.000 đồng 04 tháng khui một lần, mở ngày 30/7/2015 âm lịch, có 13 phần, bà Q tham gia 02 phần đóng hụi sống được 09 lần, đến ngày 15/9/2018 chủ hụi thông báo bể hụi không tiếp tục khui hụi nữa và hứa trả cho bà Q số tiền 90.000.000 đồng, nhưng đến nay chưa trả.

Tổng số 02 dây hụi vợ chồng ông S, bà R còn nợ của bà Q là 200.000.000 đồng, sau đó hai bên thỏa thuận cố đất để cấn trừ nợ, vợ chồng ông S, bà R đồng ý cố cho bà Q 03 công đất (tầm 3m), thời hạn là 03 năm với số tiền là 180.000.000 đồng, số tiền này được tính khấu trừ hết với số tiền hụi 200.000.000 đồng mà ông S và bà R nợ của bà Q, nhưng bà Q không có nhu cầu sử dụng đất nên bà cho vợ chồng ông S, bà R thuê lại số đất này giá mỗi vụ lúa 1.000.000 đồng, nhưng đến nay ông S, bà R cũng không trả tiền thuê đất cho bà Q, chỉ thừa nhận còn nợ tiền hụi là 180.000.000 đồng.

Nay bà Thạch Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Kiêm S và bà Thạch Thị Sa R có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hụi là 180.000.000 đồng.

Bị đơn bà Thạch Thị Sa R trình bày: Ba R thừa nhận bà và chồng bà là ông Kiêm S có làm chủ hụi và bà Q tham gia 02 dây hụi mùa vào thời gian trên là đúng. Bà R cho biết hai dây hụi này không được duy trì đến mãn và xác định số tiền bà Q đóng vào của dây hụi mùa 5.000.000 đồng mở ngày 30/11/2014 âm lịch (dây 1) là 41.100.000 đồng (02 phần đóng sống được 11 lần) và dây hụi mùa 5.000.000 đồng mở ngày 30/7/2015 âm lịch (dây 2) là 40.800.000 đồng (02 phần đóng sống được 09 lần). Tổng cộng 02 dây hụi số tiền bà Q đóng vào cho chủ hụi là 81.900.000 đồng và vợ chồng bà còn nợ bà Q số tiền này chưa trả. Còn việc bà Q cho rằng vợ chồng bà hứa trả cho bà Q Dây 1 là 110.000.000 đồng và dây 2 là 90.000.000 đồng là không có. Tuy nhiên bà R thừa nhận có thỏa thuận và làm giấy cố đất 03 công (tầm 3m) cho bà Q bằng số tiền 180.000.000 đồng để cấn trừ 200.000.000 đồng được tính theo phần hụi có tính lãi, nhưng việc làm giấy cố đất chỉ để tin tưởng nhau khi xác định khoản nợ, chứ trên thực tế không có việc cầm cố đất rồi thuê mướn lại để canh tác như bà Q trình bày. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Q đòi vợ chồng bà trả nợ hụi 180.000.000 đồng thì bà R không đồng ý, chỉ đồng ý trả cho bà Q bằng số tiền thực tế bà Q đóng vào khi tham gia chơi hụi của 02 dây hụi là 81.900.000 đồng và xin được trả dần hàng tháng mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 81.900.000 đồng.

Bị đơn ông Kiêm S trình bày: Ông S là chồng của bà R, ông thừa nhận vợ chồng ông còn nợ của bà Q 81.900.000 đồng và đồng ý cùng có trách nhiệm với bà R để trả. Ông S thống nhất với toàn bộ phần trình bày và yêu cầu của bà R.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn trả số tiền 180.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Ông Kiêm S và bà Thạch Thị Sa R là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hụi giữa các bên đương sự thấy rằng cả bà Q, bà R và ông S đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng góp hụi giữa vợ chồng ông S, bà R với bà Q là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xuất phát từ việc tham gia các dây hụi giữa bà Q là hụi viên với chủ hụi là vợ chồng ông S, bà R, do chủ hụi không duy trì các dây hụi đến ngày mãn, nên hai bên có thương lượng, thỏa thuận để xác định số tiền chủ hụi phải trả cho hụi viên là 200.000.000 đồng, rồi tiếp theo là thỏa thuận thủ tục cố đất bằng giấy tay, tuy việc cố đất không có xảy ra trên thực tế nhưng các bị đơn đã thừa nhận có xác lập số tiền cố đất trừ nợ là 180.000.000 đồng. Nay phía bị đơn chỉ đồng ý trả 81.900.000 đồng vì cho rằng đây là số tiền thực tế đóng hụi của nguyên đơn được bị đơn tính toán. Xét thấy việc tham gia hợp đồng góp hụi là vì lợi ích chung của các bên, việc chủ hụi tổ chức các dây hụi, phần hụi mà không duy trì được đến ngày hụi mãn là lỗi của chủ hụi. Trong vụ án này, khi các dây hụi, phần hụi không còn tiếp tục duy trì (hụi bể) thì giữa chủ hụi (bị đơn) và hụi viên (nguyên đơn) đã có bàn bạc với nhau để tính toán bằng số tiền 200.000.000 đồng mà chủ hụi phải trả cho hụi viên (bà Q), rồi tiếp đến là thỏa thuận cố đất bằng số tiền 180.000.000 đồng, là ít hơn 20.000.000 đồng do thương lượng. Việc làm giấy tay cố đất với số tiền 180.000.000 đồng mặc dù sự việc cố đất không diễn ra trên thực tế nhưng đây được coi là phía bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền này, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ phân tích trên, có căn cứ xác định vợ chồng ông S, bà R còn nợ bà Q 180.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông S, bà R phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Q số tiền này theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường (nay là Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ).

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 357, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ, và các Điều 29, 30 và 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Kiêm S và bà Thạch Thị Sa R có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Thạch Thị Q số tiền 180.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Kiêm S và bà Thạch Thị Sa R phải liên đới chịu 9.000.000 đồng *(Chín triệu đồng)*.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu